

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2008

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần LILAMA 10 tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy số 10 trực thuộc Liên Hiệp các Xí nghiệp Lắp máy Bộ Xây dựng. Là một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Từ ngày 01/01/2007, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần số 0103015215 ngày 29/12/2006

2- Lĩnh vực kinh doanh

- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, lắp ráp máy móc thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ôxy; Phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Gia công chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Làm sạch và sơn phủ bề mặt kim loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng;
- Thí nghiệm, chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động và kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại;
- Đầu tư, XD, kinh doanh bất động sản, nhà ở, trang trí nội thất (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và phục vụ ngành lắp máy;
- Thiết kế hệ thống dây chuyền công nghệ chế tạo máy và lắp máy phục vụ ngành lắp máy;
- Thiết kế hệ thống điều khiển nhiệt điện đối với công trình công nghiệp.

3- Ngành nghề kinh doanh

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm (dương lịch).
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán đồng Việt Nam (VNĐ)

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- 1- Chế độ kế toán áp dụng Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
- 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
- 3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho; **Hàng tồn kho được tính theo giá gốc**
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho ;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho; **Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho**
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính);
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vụ hình, thuê tài chính).

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào Cty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát;
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ;

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước;
- Chi phí khác;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước ;
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu hoạt động tài chính;

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.
- 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.
- 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- 14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.
- 15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

(Đơn vị tính: đồng)

01- Tiền	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	419.454.282	109.091.638
- Tiền gửi ngân hàng	5.015.689.465	25.320.563.540
- Tiền đang chuyển		...
Cộng	5.435.143.747	25.429.655.178
02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:		
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	...	...
- Đầu tư ngắn hạn khác	...	...
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	...	...
Cộng	...	...
03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu về cổ phần hoá		...
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	...	...
- Phải trả người lao động	3.967.824.262	...
- Phải thu khác	336.636.222	338.636.222
Cộng	4.304.460.484	338.636.222
04- Hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	...	...
- Nguyên liệu, vật liệu	2.789.297.021	2.789.297.021
- Công cụ, dụng cụ	184.679.825	13.822.405
- Chi phí SX, KD dở dang	154.494.045.755	142.848.374.243
- Thành phẩm	...	...
- Hàng hóa	...	...
- Hàng gửi đi bán	...	...
- Hàng hoá kho bảo thuế	...	...
- Hàng hoá bất động sản	...	...
Cộng giá gốc hàng tồn kho	157.468.022.601	145.651.493.669

- * Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dựn để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả:.....
- * Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:.....
- * Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:....

05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	36.390.988	36.390.988

- Tiền thuê đất:	6.376.300	6.376.300
Cộng	42.767.288	42.767.288

(Khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước phát sinh từ Quý 2/2007)

06- Phải thu dài hạn nội bộ

- Cho vay dài hạn nội bộ	...	...
-	...	...
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	...	...
Cộng	...	...
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>

07- Phải thu dài hạn khác

- Ký quỹ, ký cược dài hạn	...	...
- Các khoản tiền nhận ủy thác	...	...
- Cho vay không có lãi	...	...
- Phải thu dài hạn khác	...	...
Cộng	...	...

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	8.295.642.108	25.755.304.558	48.506.319.760	1.527.136.185	181.677.382	84.266.079.993
- Mua trong năm		719.143.000	3.596.927.142	68.485.554		4.384.552.696
- Đầu tư XDCB hoàn thành						0
- Tăng khác						0
- Chuyển sang BDS đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối năm	8.295.642.108	26.474.447.558	52.103.246.902	1.595.621.739	181.677.382	88.650.632.689
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.543.482.762	20.559.608.846	30.798.689.926	966.077.865	126.228.884	57.994.088.283
- Khấu hao trong năm	238.022.490	819.158.532	2.761.364.017	27.476.834	1.282.740	3.847.304.613
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối năm	5.781.505.252	21.378.767.378	33.560.053.943	993.554.699	127.511.624	61.841.392.896
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	2.752.159.346	5.195.695.712	17.707.629.834	561.058.320	55.448.498	26.271.991.710
- Tại ngày cuối năm	2.514.136.856	5.095.680.180	18.543.192.959	602.067.040	54.165.758	26.809.239.793

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

09- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thi	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	...	TSCĐ hữu hình #	Tài sản cố định vô Hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính							
Số dư đầu năm			1.471.069.228				1.471.069.228
- Thuê tài chính trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm			1.471.069.228				1.471.069.228
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm			436.503.434				436.503.434
- Khấu hao trong năm			122.566.674				122.566.674
- Mua lại TSCĐ thuê TC							0
- Tăng khác							0
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							0
- Giảm khác							0
Số dư cuối năm			559.070.108				559.070.108
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính							
- Tại ngày đầu năm			1.034.565.794				1.034.565.794
- Tại ngày cuối năm			911.999.120				911.999.120

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:

* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bquyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Nhãn hiệu hàng hoá	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	4.047.300.000				3.350.000.000	7.397.300.000
- Mua trong năm						0
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						0
- Tăng khác	0					0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	4.047.300.000	0	0		3.350.000.000	7.397.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm					335.000.000	335.000.000
- Khấu hao trong năm					167.500.002	167.500.002
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm					502.500.002	502.500.002
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
- Tại ngày đầu năm	4.047.300.000				3.015.000.000	7.062.300.000
- Tại ngày cuối năm	4.047.300.000				2.847.499.998	6.894.799.998

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**Số cuối kỳ****Số đầu năm****- Tổng số chi phí XDCB dở dang:****13.776.204.916****11.472.358.861**

Trong đó

+ Công trình: Nhà VP Sơn la

687.724.545

687.724.545

+ Công trình: Cầu KC50-42 – Hoà Bình

8.111.605.493

7.123.777.157

+ Sân Tennis

913.566.870

758.481.200

+ Công trình: Thủy điện Nậm công 3

3.952.928.976

2.796.763.107

+ Dây chuyền CNC

13.348.700

13.348.700

+ Công trình cầu cống KC50-42

97.030.332

92.264.152

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

** Thuyết minh số liệu và giải trình khác:***13- Đầu tư dài hạn khác:****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

- Đầu tư cổ phiếu

35.280.793.625

16.530.793.625

- Đầu tư trái phiếu

- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu

- Cho vay dài hạn

- Đầu tư dài hạn khác

Cộng**35.280.793.625****16.530.793.625****14- Chi phí trả trước dài hạn**

- Chi phí trả trước

1.658.263.178

1.602.603.179

Cộng**1.658.263.178****1.602.603.179****15- Vay và nợ ngắn hạn**

- Vay ngắn hạn

45.914.142.768

20.585.891.140

- Nợ dài hạn đến hạn trả

473.578.424

633.128.282

Cộng**46.387.721.192****21.219.019.422**

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng	1.842.794.897	2.852.075.653
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		...
- Thuế xuất, nhập khẩu		...
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		...
- Thuế thu nhập cá nhân	34.851.879	35.027.014
- Thuế tài nguyên		...
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		...
- Các loại thuế khác		...
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		...
Cộng	1.877.646.776	2.887.102.667

17- Chi phí phải trả	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	...	...
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		...
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	...	...
- Chi phí bảo hành công trình	...	...
- Chi phí trả trước khác	3.236.559.865	26.005.883
Cộng	3.236.559.865	26.005.883

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	...	...
- Kinh phí công đoàn	1.532.947.699	1.626.136.755
- Bảo hiểm xã hội	1.020.714.139	430.868.299
- Bảo hiểm y tế	31.031.970	
- Phải trả về cổ phần hoá		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	...	...
- Phải thu khác (dư có)	60.056.816	42.520.116
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.962.930.520	1.442.906.835
Cộng	7.607.681.144	3.542.432.005

19- Phải trả dài hạn nội bộ		
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		...
Cộng		

20- Vay và nợ dài hạn		
a - Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	11.339.238.752	4.829.238.752
- Vay đối tượng khác	...	...
- Trái phiếu phát hành	2.000.000.000	12.000.000.000
b - Nợ dài hạn		
- Thuê tài chính	142.321.069	180.761.855
- Nợ dài hạn khác	...	...
Cộng	13.481.559.821	17.010.000.607

c- Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm	236.060.161	32.878.608	203.181.553	54.192.914	10.749.795	43.443.119
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	...	...
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	...	...
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	...	...
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	...	...
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	...	...

b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	...	...
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	...	...
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	...	...

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	CLT Giá	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000		2.048.683.150	0			..	..	42.048.683.150
- Tăng vốn trong năm trước	50.000.000.000	5.000.000.000							55.000.000.000
- Lãi trong năm trước			14.864.348.932						14.864.348.932
- Tăng khác			272.481.114						272.481.114
- Giảm vốn trong năm trước									
- Lỗ trong năm trước									
- Giảm khác			5.361.686.923						5.361.686.923
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	5.000.000.000	11.823.826.273		...			-	106.823.826.273
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	5.000.000.000	11.823.826.273						106.823.826.273
- Tăng vốn trong năm nay									
- Lãi trong năm nay			2.971.624.320						2.971.624.320
- Tăng khác									.
- Giảm vốn trong năm nay									
- Lỗ trong năm nay									
- Mua lại cổ phiếu quỹ		448.427.930							448.427.930
- Trả cổ tức đợt 2/2007			6.300.000.000						6.300.000.000
Số dư cuối năm nay	90.000.000.000	4.551.572.070	8.495.450.593		0			0	103.047.022.663

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	45.900.000.000	45.900.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	44.100.000.000	44.100.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	...	
+ Vốn góp đầu năm	90.000.000.000	90.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		..
+ Vốn góp giảm trong năm	...	..
+ Vốn góp cuối năm		...
- Cổ tức đã chi trả trong kỳ	6.300.000.000	...

d- Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Trong năm 2007 Công ty đã chi trả cổ tức như sau:

Đợt 1/2007: 40 tỷ x 7% = 2,8 tỷ đồng (từ ngày 01/1/2007 đến ngày 30/6/2007)

Đợt 2/2007: 90 tỷ x 7% = 6,3 tỷ đồng (từ ngày 01/7/2007 đến ngày 31/12/2007)

- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 1.400 đ/cổ phiếu
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....

đ- Cổ phiếu	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	...	...
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	19.100	...
+ Cổ phiếu phổ thông	19.100	...
+ Cổ phiếu ưu đãi	...	...
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.980.900	9.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.980.900	9.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	...	...

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển:
- Quỹ dự phòng tài chính :
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

(Các quỹ của doanh nghiệp được phân phối vào quý 2/2008 theo Nghị đồng cổ đông ngày 19/04/2008).

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp các khoản lỗ năm trước, các khoản chi phí không được tính vào chi phí thu nhập chịu thuế theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23- Nguồn kinh phí	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	...	...
- Chi sự nghiệp	(...)	(...)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	...	...

24- Tài sản thuê ngoài

(1) - Giá trị tài sản thuê ngoài		
- TSCĐ thuê ngoài	...	...
- Tài sản khác thuê ngoài	...	...
(2) - Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	...	...
- Trên 1 năm đến 5 năm	...	...
- Trên 5 năm	...	...

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị tính:.....)

	31/03/2008	31/03/2007
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mẫu số 01)	42.137.316.003	50.900.929.046
Trong đó:	...	...
- Doanh thu bán hàng	...	...
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	...	...
- Doanh thu hợp đồng XD (Đối với DN có hoạt động xây lắp)	42.137.316.003	50.900.929.046
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		...
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;	...	...
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mẫu số 02)	...	...
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	...	...
- Giảm giá hàng bán	...	...
- Hàng bán bị trả lại	...	...
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	...	...
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	...	...
- Thuế xuất khẩu	...	...
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mẫu số 10)		
Trong đó:	...	...
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	...	...
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	...	...
28- Giá vốn hàng bán (Mẫu số 11)	31/03/2008	31/03/2007
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	36.980.848.653	45.664.781.522
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	...	...
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	...	...
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BDS đầu tư đã bán	...	...
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	...	(...)
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	(...)	...
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	...	...
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	...	...
Cộng	36.980.848.653	45.664.781.522

29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mẫu số 21)

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78.711.423	154.757.984
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	...	...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	...	...
- Lãi bán ngoại tệ	...	...
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	...	...
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	...	...
- Lãi bán hàng trả chậm	...	...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	...	...
Cộng	78.711.423	154.757.984

30- Chi phí tài chính (Mẫu số 22)

- Lãi tiền vay	761.721.111	1.773.295.492
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	...	...
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	...	...
- Lỗ bán ngoại tệ	...	...
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	...	...
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	...	...
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	...	...
- Chi phí tài chính khác	...	...
Cộng	761.721.111	1.773.295.492

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mẫu số 51)

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		...
		...
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mục số 52) **31/03/2008** **31/03/2007**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	...	...
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	...	...
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(...)	(...)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(...)	(...)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(...)	(...)
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	...	...

33- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.190.050.473	7.075.600.803
- Chi phí nhân công	5.519.096.008	6.960.829.123
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.137.371.289	2.161.608.119
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.585.614	31.823.598
- Chi phí khác bằng tiền	7.477.200.362	4.057.174.573
Cộng	45.376.303.746	20.286.036.216

34- Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.971.624.320	2.036.037.162
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận lỗ hoặc phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ:		
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu ;		

35. **Kết quả kinh doanh giữa hai kỳ báo cáo (năm 2007 và năm 2008)**

- Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2007 : **2.036.037.162 đồng**
- Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2008: **2.971.624.320 đồng**

Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2007 so với Quý 1 năm 2008 tăng **935.587.158 đồng, tương ứng tăng 146%.**

Nguyên nhân chủ yếu làm tăng lợi nhuận như sau:

+Do đặc thù ngành Xây dựng, lắp đặt và tiến độ thi công các công trình. Công ty đã áp dụng những biện pháp như: Cơ cấu lại lao động, tăng năng suất lao động và ký được nhiều hợp đồng mới... Từ đó đưa lại hiệu quả kinh tế cao.

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Đơn vị tính:)

36- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	31/03/2008	31/03/2007
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:	...	...
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:	...	...
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;	...	...
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;	...	...
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con	...	...

hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;

- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong cùng ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.

- c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

VIII- Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:.....
- 3- Thông tin về các bên liên quan:.....
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(2):.
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:
- 7- Những thông tin khác. (3)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hà nội , ngày tháng năm 2008
Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)